**BẢNG SO SÁNH THÔNG TƯ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI**

**VỚI THÔNG TƯ 02/2009/TT-BGTVT NGÀY 03/4/2009**

*(kèm theo văn bản số 1998/ĐKVN-ĐS ngày 02/6/2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thông tư 02/2009/TT-BGTVT** | **Dự thảo Thông tư trình Bộ GTVT** | **Lý do bổ sung, sửa đổi** |
|  | **Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**  1. Văn bản này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên các mạng đường sắt sau:  a) Đường sắt quốc gia;  b) Đường sắt đô thị;  c) Đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;  d) Đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.  2. Đối tượng áp dụng:  Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt sử dụng trên các mạng đường sắt quy định tại Khoản 1 Điều này. | **Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên các mạng đường sắt sau:  a) Đường sắt quốc gia;  b) Đường sắt đô thị;  c) Đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;  d) Đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.  2. Đối tượng áp dụng:  Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt sử dụng trên các mạng đường sắt quy định tại Khoản 1 Điều này. | Giữ nguyên |
| 2. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt;  2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt;  3. *Phương tiện chuyên dùng* là ôtô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt;  4. *Tổng thành* là động cơ Diesel, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đấm;  ~~5.~~ *~~Hệ thống~~* ~~là hệ thống hãm, hệ thống truyền động, hệ thống điện:~~  6. *Hoán cải* là việc thay đổi tính năng sử dụng của phương tiện hoặc thay đổi cấu tạo và đặc tính kỹ thuật khác với thiết kế ban đầu đối với động cơ Diesel, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, hệ thống hãm, bộ móc nối đỡ đấm;  ~~7.~~ *~~Sản phẩm~~* ~~là phương tiện hoặc tổng thành, hệ thống;~~  8. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với các quy định hiện hành;  9. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện có đủ điều kiện theo quy định hiện hành. | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt;  2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt;  3. *Phương tiện chuyên dùng* là ôtô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt *không sử dụng để vận chuyển hành khách hay hàng hóa;*  4. *Tổng thành* là động cơ Diesel, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, bơm gió, van hãm, bộ móc nối đỡ đấm, bộ truyền động thủy lực, bộ tiếp điện, bộ biến tần.  5. *Thời gian sử dụng (tính theo năm) là thời gian được xác định từ năm sản xuất đến năm đang sử dụng của phương tiện.*  *6. Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là Tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho phương tiện giao thông đường sắt đã kiểm định đạt tiêu chuẩn và được phép tham gia giao thông đường sắt theo thời hạn ghi trên Tem kiểm định.*  7. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với các quy định hiện hành;  8. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện có đủ điều kiện theo quy định hiện hành. | Bổ sung các nội dung mới liên quan đến phương tiện đường sắt đô thị vào trong nội dung kiểm tra của Thông tư.  Bỏ định nghĩa *5. Hệ thống*, *7. Sản phẩm* do không phù hợp với thực tế kiểm tra tổng thành, phương tiện giao thông đường sắt hiện nay.  Chuyển định nghĩa *6.Hoán cải* vào mục c khoản 4 Điều 5. Kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt.  Bổ sung các thuật ngữ mới về *Thời gian sử dụng* và *Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt* |
|  | **Chương II**  **KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** | **Chương II**  **KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN**  **KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  ***PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT*** | Bổ sung *“Phương tiện giao thông đường sắt”* cho hoàn chỉnh tên chương |
| 3 | **Điều 3. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:  1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;  2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật. | **Điều 3. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  Căn cứ để Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:  1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;  2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật của phương tiện, tổng thành. | Giữ nguyên |
| 4 | **Điều 4. Loại hình kiểm tra**  Việc kiểm tra bao gồm các loại hình sau:  1. Kiểm tra sản phẩm nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp;  2. Kiểm tra sản phẩm hoán cải, phục hồi;  3. Kiểm tra định kỳ phương tiện;  4. Kiểm tra bất thường. | Chuyển xuống khoản 1 Điều 5. | Chuyển quy định về kiểm tra sản phẩm thành một điều. |
| 5 | **Điều 5. Hồ sơ thiết kế**  Hồ sơ thiết kế do cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất có đủ điều kiện thiết kế theo quy định lập thành 03 bộ gửi tới các cơ quan đăng kiểm để thẩm định. Hồ sơ thiết kế được quy định như sau:  1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:  a) Bản vẽ kỹ thuật:  - Bản vẽ tổng thể của phương tiện;  - Bản vẽ lắp đặt tổng thành, hệ thống;  - Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước;  - Bản thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống nhập khẩu.  b) Bản thuyết minh, tính toán:  - Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;  - Tính toán động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh;  - Tính toán sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác);  - Tính toán kiểm nghiệm sức bền của bệ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy hoặc phương tiện động lực;  - Tính toán kiểm nghiệm hãm.  2. Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:  a) Bản vẽ tổng thể của sản phẩm;  b) Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.  3. Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế gồm có:  a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;  b) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải;  c) Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **1. Điều 5:** Bỏ câu *“Hồ sơ thiết kế do cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất có đủ điều kiện thiết kế theo quy định lập thành 03 bộ gửi tới các cơ quan đăng kiểm để thẩm định.”* | **Điều 4. Thẩm định thiết kế**:  *Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với các phương tiện, tổng thành trước khi sản xuất, lắp ráp lần đầu hoặc hoán cải.*  *1. Hồ sơ thiết kế*  *a) Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:*  *- Bản vẽ kỹ thuật:*  *+ Bản vẽ tổng thể của phương tiện;*  *+ Bản vẽ lắp đặt của tổng thành, hệ thống trên phương tiện;*  *+ Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành sản xuất trong nước;*  *+ Bản thông số kỹ thuật của tổng thành nhập khẩu.*  *- Bản thuyết minh, tính toán:*  *+ Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;*  *+ Tính toán động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh;*  *+ Tính toán sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác);*  *+ Tính toán kiểm nghiệm sức bền của bệ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy, phương tiện động lực;*  *+ Tính toán kiểm nghiệm hãm.*  *b) Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:*  *- Bản vẽ tổng thể của tổng thành;*  *- Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của tổng thành.*  *c) Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế gồm có:*  *- Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;*  *- Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải;*  *- Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.*  *2. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế:*  *a) Giấy đề nghị thẩm định thiết kế của cơ sở thiết kế;*  *b) 03 bộ hồ sơ thiết kế qui định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Nội dung thẩm định thiết kế:*  *Thực hiện thẩm định các nội dung của hồ sơ thiết kế phương tiện, tổng thành phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.*  *4. Trình tự thực hiện:*  *a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế và gửi cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thành phần bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 2 Điều này;*  *b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;*  *c) Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung hồ sơ thiết kế thì cơ quan đăng kiểm phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất;*  *d) Sau khi thẩm định, nếu không đạt yêu cầu thì cơ quan đăng kiểm phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất, lắp ráp; nếu đạt yêu cầu thì cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận Thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này; hồ sơ thiết kế được chuyển tới cơ sở thiết kế và lưu trữ tại cơ quan đăng kiểm.*  *5. Cách thức thực hiện:*  *Tổ chức, cá nhân lập, nộp hồ sơ và nhận kết quả thẩm định thiết kế trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu điện.* | Sửa đổi theo Thông tư 36/2011/TT-BGTVT ngày 6 tháng 5 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2009/TT-BGTVT Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt; làm rõ về trình tự thủ tục thẩm định thiết kế phương tiện giao thông đường sắt. |
| 6 | **Điều 6. Thẩm định thiết kế**  1. Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với các sản phẩm trước khi sản xuất, lắp ráp lần đầu hoặc hoán cải.  2. Thẩm định thiết kế là việc xem xét, đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung hồ sơ thiết kế thì cơ quan đăng kiểm phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất.  3. Sau khi thẩm định, hồ sơ thiết kế được chuyển tới cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất, chủ phương tiện và lưu trữ tại cơ quan đăng kiểm.  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 6 như sau:**  “4. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế:  a) 01 Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;  b) 03 hồ sơ thiết kế qui định tại Điều 5 Thông tư này.  5.Trình tự thực hiện**:**  a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thành phần bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.  b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.  c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế. Nếu hồ sơ thiết kế không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.  6. Cách thức thực hiện:  Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thẩm định thiết kế trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.” |
| 7 | **Điều 7. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp**  1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:  a) Hồ sơ thiết kế của sản phẩm đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;  b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng chỉ chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để sản xuất, lắp ráp sản phẩm;  c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm của cơ sở sản xuất.  2. Nội dung kiểm tra:  a) Đối với phương tiện: kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này;  b) Đối với tổng thành: kiểm tra theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và đối chiếu các thông số kỹ thuật với hồ sơ thiết kế đã thẩm định.  3. Phương thức kiểm tra:  a) Đối với phương tiện: kiểm tra từng phương tiện;  b) Đối với tổng thành: kiểm tra một sản phẩm bất kỳ của lô sản phẩm.  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **3. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 7 như sau:**  “4.Trình tự thực hiện:  a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.  b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.  c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện (sau đây gọi là giấy chứng nhận) theo quy định.  5. Cách thức thực hiện:  Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.  6.Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:  a) Đối với đường sắt quốc gia  - Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Toa xe khách là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận.  b) Đối với đường sắt chuyên dùng: 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.” | **Điều 5. Kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt:**  *“1. Loại hình kiểm tra*  *Việc kiểm tra bao gồm:*  *a) Kiểm tra phương tiện, tổng thành sản xuất, lắp ráp;*  *b) Kiểm tra phương tiện, tổng thành nhập khẩu;*  *c) Kiểm tra phương tiện hoán cải;*  *d) Kiểm tra phương tiện định kỳ;*  *e) Kiểm tra bất thường.*  *2. Hồ sơ kỹ thuật*  *a) Đối với phương tiện, tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ kỹ thuật gồm có:*  *- Hồ sơ thiết kế của phương tiện, tổng thành đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;*  *- Chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật của tổng thành liên quan được sử dụng;*  *- Hồ sơ kiểm tra phương tiện, tổng thành của cơ sở sản xuất.*  *b) Đối với phương tiện, tổng thành nhập khẩu, hồ sơ kỹ thuật gồm có:*  *- Giấy đề nghị kiểm tra;*  *- Thỏa thuận kỹ thuật của hợp đồng nhập khẩu;*  *- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu của Cơ quan Hải quan;*  *- Tài liệu giới thiệu đặc tính kỹ thuật của phương tiện, tổng thành;*  *- Chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ phương tiện, tổng thành;*  *- Chứng chỉ chất lượng phương tiện, tổng thành của nhà sản xuất.*  *c) Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ kỹ thuật gồm có:*  *- Hồ sơ thiết kế hoán cải phương tiện đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;*  *- Chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống liên quan được sử dụng;*  *- Hồ sơ kiểm tra phương tiện hoán cải của cơ sở sản xuất.*  *d) Đối với kiểm tra phương tiện định kỳ, hồ sơ kỹ thuật gồm có:*  *- Lý lịch kỹ thuật của phương tiện;*  *- Hồ sơ kiểm tra phương tiện của cơ sở sản xuất.*  *e) Đối với kiểm tra bất thường:*  *Kiểm tra bất hường được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ phương tiện khi phương tiện bị tai nạn hoặc khi có khiếu nại về chất lượng phương tiện, tổng thành.*  *3. Thời điểm kiểm tra định kỳ phương tiện*  *a) Đối với đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị, thời điểm kiểm tra cùng thời điểm phương tiện được sửa chữa định kỳ cấp R2 hoặc R3, cấp ky, cấp đại tu đối với đầu máy và cấp niên tu, cấp đại tu đối với toa xe nhưng không quá thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đã cấp.*  *b) Đối với đường sắt chuyên dùng, thời điểm kiểm tra không quá thời hạn trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.*  *4. Nội dung kiểm tra*  *a) Đối với kiểm tra phương tiện, tổng thành nhập khẩu, sản xuất lắp ráp: kiểm tra tương ứng theo các quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2011/BGTVT, QCVN 18:2011/BGTVT, QCVN 87:2015/BGTVT. Đối với phương tiện đường sắt đô thị kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.*  *b) Đối với kiểm tra định kỳ phương tiện: kiểm tra theo QCVN 15:2011/BGTVT. Riêng phương tiện đường sắt đô thị kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và đầu máy hơi nước kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.*  *c) Đối với kiểm tra phương tiện hoán cải: kiểm tra theo QCVN 15:2011/BGTVT. Hoán cải là việc thay đổi tính năng sử dụng của phương tiện hoặc thay đổi cấu tạo và đặc tính kỹ thuật khác với thiết kế ban đầu đối với:*  *- Kích thước tổng thể;*  *- Động cơ Diesel;*  *- Máy phát điện chính;*  *- Động cơ điện kéo;*  *- Bộ truyền động thủy lực;*  *- Bơm gió;*  *- Giá chuyển hướng;*  *- Hệ thống hãm;*  *- Hệ thống điện đường trục của toa xe;*  *- Hệ thống điều hòa không khí;*  *- Bộ móc nối đỡ đấm;*  *- Kết cấu chịu lực thân xe hoặc giá xe.*  *Đối với phương tiện đường sắt đô thị, bao gồm thêm các hệ thống sau:*  *- Bộ tiếp điện;*  *- Bộ biến tần;*  *- Hệ thống tín hiệu trên đoàn tàu.*  *d) Đối với kiểm tra bất thường: kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ phương tiện khi phương tiện bị tai nạn và khi có khiếu nại về chất lượng phương tiện, tổng thành.*  *đ) Đối với tổng thành, hệ thống nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp: kiểm tra tương ứng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành liên quan và hồ sơ kỹ thuật.*  *5. Phương thức kiểm tra*  *a) Đối với phương tiện: kiểm tra từng phương tiện; Riêng phương tiện đường sắt đô thị kiểm tra từng phương tiện và khi được ghép thành đoàn tàu.*  *b) Đối với tổng thành: kiểm tra từng tổng thành.*  *6. Trình tự thực hiện*  *a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 điều này và gửi cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.*  *b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra thống nhất về thời gian và địa điểm kiểm tra hiện trường.*  *c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại hiện trường. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện (sau đây gọi là giấy chứng nhận) theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời gian không quá 01 ngày làm việc.*  *7. Cách thức thực hiện:*  *Tổ chức, cá nhân lập, nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.”* | Giảm thủ tục hành chính, gộp 5 điều bao gồm 5 thủ tục hành chính kiểm tra sản phẩm sản xuất lắp ráp (điều 7), kiểm tra phương tiện hoán cải (điều 8), kiểm tra phương tiện nhập khẩu (điều 9), kiểm tra định kỳ đối với phương tiện (điều 10 và kiểm tra bất thường (điều 11) thành một Điều: ***Điều 5. Kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt.***  Chuyển thời hạn giấy chứng nhận các loại hình kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, định kỳ đối với phương tiện giao thông đường sắt thành ***Phụ lục 5. Chu kỳ kiểm định*** |
| 8 | **Điều 8. Kiểm tra phương tiện hoán cải**  1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:  a) Hồ sơ thiết kế hoán cải phương tiện đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;  b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng chỉ chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải phương tiện;  c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.  2. Nội dung kiểm tra bao gồm xem xét, đánh giá chất lượng phương tiện hoán cải theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế hoán cải đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định.  3. Phương thức kiểm tra: kiểm tra từng phương tiện  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **4. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 8 như sau:**  “4.Trình tự thực hiện:  a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam .  b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.  c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.  5. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.” |
| 9 | **Điều 9. Kiểm tra phương tiện nhập khẩu**  1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:  a) Thỏa thuận kỹ thuật của hợp đồng nhập khẩu;  b) Tài liệu giới thiệu đặc tính kỹ thuật của phương tiện;  c) Chứng chỉ chất lượng xuất xưởng hợp thức của nhà sản xuất hoặc của tổ chức kiểm tra chất lượng có thẩm quyền của nước ngoài được Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận.  2. Nội dung kiểm tra  Kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.  3. Phương thức kiểm tra  Kiểm tra từng phương tiện  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **5. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 vào Điều 9 như sau:**  “4.Trình tự thực hiện:  a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.  b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.  c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.  5. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.  6.Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:  a) Đối với đường sắt quốc gia:  - Đầu máy, phương tiện chuyên dùng nhập khẩu mới là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;  - Toa xe khách nhập khẩu mới là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;  - Toa xe hàng nhập khẩu mới là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;  - Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 12 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  b) Đối với đường sắt chuyên dùng:  - Đối với phương tiện nhập khẩu mới là 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.” |
| 10 | **Điều 10. Kiểm tra định kỳ đối với phương tiện**  1. Thời điểm kiểm tra đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị.  Kiểm tra định kỳ được thực hiện cùng với thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa định kỳ, cụ thể như sau:  a) Thời hạn kiểm tra lần đầu đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới: kiểm tra định kỳ được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa lần đầu cấp 2, cấp 3 (đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng) và cấp niên tu (đối với toa xe);  b) Đối với phương tiện đang khai thác:  - Đầu máy, toa xe động lực là kỳ sửa chữa cấp đại tu, cấp ky, cấp 2 và cấp 3;  - Toa xe là kỳ sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu;  - Phương tiện chuyên dùng được thực hiện theo chu kỳ 12 tháng.  2. Thời điểm kiểm tra đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt chuyên dùng có nối ray và không nối ray với đường sắt quốc gia được thực hiện theo chu kỳ:  a) Đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới: kiểm tra định kỳ lần đầu là 30 tháng tình từ thời điểm kiểm tra nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới;  b) Đối với phương tiện đang khai thác: chu kỳ kiểm tra là 18 tháng.  3. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:  a) Lý lịch kỹ thuật của phương tiện;  b) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.  4. Nội dung kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **6. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 5, khoản 6 vào Điều 10 như sau:**  “1. Thời điểm kiểm tra và hiệu lực giấy chứng nhận đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị  a) Đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất lắp ráp mới  - Kiểm tra định kỳ đầu máy, phương tiện chuyên dùng được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp 2, cấp 3 lần đầu.  - Kiểm tra định kỳ toa xe được thực hiện cùng thời điểm toa xe đưa vào sửa chữa niên tu lần đầu.  b) Đối với phương tiện đang khai thác  - Kiểm tra định kỳ đầu máy, toa xe động lực được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu, cấp ky, cấp 2 và cấp 3 nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Kiểm tra định kỳ toa xe khách được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 14 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Kiểm tra định kỳ toa xe hàng được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 20 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  - Kiểm tra định kỳ phương tiện chuyên dùng theo thời gian cho phép của giấy chứng nhận. Hiệu lực giấy chứng nhận cấp cho phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.  5.Trình tự thực hiện:  a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.  b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.  c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.  6. Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.” |
| 11 | **Điều 11. Kiểm tra bất thường**  Kiểm tra bất thường được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phương tiện bị tai nạn hoặc khi có khiếu nại về chất lượng sản phẩm. |
| 12 |  | ***Chương III***  ***CẤP, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TEM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG*** | Bổ sung thêm chương III về giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, sửa đổi một số nội dung việc cấp và sử dụng giấy chứng nhận |
| 13 | **Điều 12. Cấp và sử dụng giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  ~~1. Việc cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được thực hiện như sau:~~  ~~a) Sản phẩm được kiểm tra theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và hồ sơ thiết kế được thẩm định, nếu thỏa mãn các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành thì cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) theo mẫu tương ứng tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;~~  ~~b) Sau khi kết thúc kiểm tra, việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện trong thời gian không quá một ngày đối với phương tiện kiểm tra định kỳ, 03 ngày đối với phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải.~~  2. Việc sử dụng giấy chứng nhận được thực hiện như sau:  a) Giấy chứng nhận tổng thành sản xuất, lắp ráp được cấp cho cơ sở sản xuất để cho phép sử dụng, lắp ráp trên phương tiện;  b) Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện được sử dụng để làm thủ tục đăng ký và lưu hành phương tiện;  c) Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện có trách nhiệm bảo quản giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghiêm cấm việc sửa chữa, tẩy xóa giấy chứng nhận đã được cấp.  3. Hiệu lực của giấy chứng nhận và việc thu hồi giấy chứng nhận:  a) Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho phương tiện sẽ tự mất hiệu lực sau khi phương tiện bị tai nạn gây hư hỏng nặng các tổng thành hệ thống và phương tiện không đảm bảo an toàn khi tiếp tục vận hành;  b) Cơ quan đăng kiểm thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận khi chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện không thực hiện đầy đủ các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình kỹ thuật hiện hành trong bảo dưỡng, sửa chữa và khai thác phương tiện;  4. Cơ quan đăng kiểm lưu trữ hồ sơ đăng kiểm trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận. | **Điều 6. Cấp và sử dụng giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  1. Việc sử dụng Giấy chứng nhận được thực hiện như sau:  a) Giấy chứng nhận tổng thành *nhập khẩu*, sản xuất, lắp ráp được cấp cho cơ sở sản xuất*, nhập khẩu* để cho phép sử dụng, lắp ráp trên phương tiện;  b) Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện được sử dụng để làm thủ tục *hải quan*, đăng ký và lưu hành phương tiện;  c) Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện có trách nhiệm bảo quản Giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghiêm cấm việc sửa chữa, tẩy xóa giấy chứng nhận đã được cấp.  *2. Chu kỳ kiểm định,* hiệu lực của Giấy chứng nhận và việc thu hồi Giấy chứng nhận:  *a) Chu kỳ kiểm định của các loại phương tiện được quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;*  b) Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho phương tiện sẽ mất hiệu lực sau khi phương tiện bị tai nạn đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường *theo quy định.*  *3. Cơ quan đăng kiểm phải lưu trữ hồ sơ đăng kiểm, riêng hồ sơ đăng kiểm định kỳ lưu trữ trong thời hạn 03 năm.* | Bỏ khoản 1 vì đã được quy định rõ ở mục c Khoản 6 Điều 5  Bổ sung đối tượng tổng thành *“nhập khẩu”* vào đối tượng kiểm tra do Thông tư 02/2009/TT-BGTVT chưa quy định, và các nội dung liên quan về Giấy chứng nhận.  Bổ sung quy định về chu kỳ kiểm định được ban hành kèm theo Thông tư này  Quy định rõ về lưu trữ hồ sơ đăng kiểm đối với phương tiện kiểm tra định kỳ trong thời hạn 3 năm. |
| 15 |  | ***Điều 7. Cấp và sử dụng Tem kiểm định***  *1. Việc cấp tem kiểm định được thực hiện cùng với việc cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau khi phương tiện đã được kiểm tra thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.*  *2. Mẫu tem kiểm định và vị trí dán tem kiểm định trên phương tiện được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.* | Bổ sung quy định mới về dán tem kiểm định phương tiện giao thông đường sắt đã được thực hiện đối với phương tiện giao thông đường sắt hiện nay |
| 16 | **Điều 13. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Tổ chức thực hiện việc đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt trong phạm vi cả nước.  2. Tuân thủ các quy định của ~~quy phạm~~, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi thực hiện việc kiểm tra chất lượng và an toàn kỹ thuật của *sản phẩm*.  3. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác đăng kiểm theo thẩm quyền.  4. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận một cách khách quan, đúng pháp luật. Thủ trưởng cơ quan đăng kiểm và người trực tiếp kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.  5. Thống nhất quản lý việc phát hành và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm tra.  6. Thực hiện việc xem xét, đánh giá và ủy quyền cho phòng thử nghiệm và tổ chức đăng kiểm nước ngoài.  7. Thu, sử dụng phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.  8. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. | **Điều 8. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Tổ chức thực hiện việc đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt trong phạm vi cả nước.  2. Tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi thực hiện việc kiểm tra chất lượng và an toàn kỹ thuật của *phương tiện, tổng thành.*  3. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác đăng kiểm theo thẩm quyền.  4. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận*, tem kiểm định* một cách khách quan, đúng pháp luật. Thủ trưởng cơ quan đăng kiểm và người trực tiếp kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.  5. Thống nhất quản lý việc phát hành và cấp giấy chứng nhận*, tem kiểm định* cho các đối tượng kiểm tra.  6. Thực hiện việc xem xét, đánh giá và ủy quyền cho phòng thử nghiệm và tổ chức đăng kiểm nước ngoài.  7. Thu, sử dụng phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.  8. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. | Bỏ *“quy phạm”* vì đã chuyển đổi thành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Ghi rõ là *“phương tiện, tổng thành”*  Bổ sung *“tem kiểm định”* cho phù hợp với nội dung dự thảo Thông tư |
| 17 | **Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế, sản xuất lắp ráp, nhập khẩu và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện**  1. Trách nhiệm của các cơ sở thiết kế, sản xuất lắp ráp và nhập khẩu phương tiện:  a) Thực hiện các quy định về hồ sơ thiết kế và thẩm định hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này;  b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng *sản phẩm* thiết kế do mình thực hiện;  c) Tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi nhập khẩu, thiết kế, sản xuất lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, phục hồi *sản phẩm;*  d) Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng *sản phẩm* và đầu tư thiết bị kiểm tra phù hợp với các quy định liên quan. Thiết bị kiểm tra phải được kiểm chuẩn định kỳ;  đ) Tổ chức kiểm tra chất lượng cho từng *sản phẩm* và chịu trách nhiệm về chất lượng *sản phẩm* xuất xưởng;  e) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng *sản phẩm* nhập khẩu;  g) Chịu sự giám sát về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm trong quá trình sản xuất;  h) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  2. Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện:  Chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng để bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giữa hai kỳ kiểm tra của cơ quan đăng kiểm. | **Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế, sản xuất lắp ráp, nhập khẩu và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện**  1. Trách nhiệm của các cơ sở thiết kế, sản xuất và nhập khẩu phương tiện, *tổng thành*:  a) Thực hiện các quy định về hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này;  b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiết kế do mình thực hiện;  c) Tuân thủ các quy trình, quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi nhập khẩu, thiết kế, sản xuất lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, phục hồi *phương tiện, tổng thành;*  d) Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng *phương tiện, tổng thành* và đầu tư thiết bị kiểm tra phù hợp với các quy định liên quan. Thiết bị kiểm tra phải được kiểm chuẩn định kỳ;  đ) Tổ chức kiểm tra chất lượng cho từng *phương tiện, tổng thành* và chịu trách nhiệm về chất lượng *phương tiện, tổng thành* xuất xưởng;  e) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng *phương tiện, tổng thành* nhập khẩu;  f) Chịu sự giám sát về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm trong quá trình sản xuất;  g) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận, tem kiểm định và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  2. Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện:  a) Chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng để bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giữa hai kỳ kiểm tra của cơ quan đăng kiểm.  *b) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận, tem kiểm định và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;* | Bổ sung *“tổng thành”* vào trách nhiệm của các cơ sở thiết kế, sản xuất và nhập khẩu  Thay thuật ngữ *“sản phẩm”* bằng *“phương tiện, tổng thành”* cho phù hợp  Bổ sung thêm trách nhiệm bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận và tem kiểm định đối với chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện |
| 18 | **Điều 15. Hiệu lực thi hành**  Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành; Bãi bỏ Quyết định số 58/2005/QĐ-BGTVT ngày 7/11/2005 của Bộ GTVT ban hành “Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”. | **Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**  *1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày… tháng … năm 2015 và thay thế Thông tư 02/2009/TT-BGTVT ngày 03/04/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư 36/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2009/TT-BGTVT ngày 03/04/2009 của Bộ GTVT ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*  *2. Các giấy chứng nhận cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị đến hết thời hạn hiệu lực đã ghi trên giấy chứng nhận.*  *3. Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.* | Thay thế các Thông tư 02/2009/TT-BGTVT và Thông tư 36/2011/TT-BGTVT và quy định về điều khoản chuyển tiếp (Khoản 3) đối với các giấy chứng nhận cấp trước ngày Thông tư có hiệu lực |
| 19 | **Phụ lục 1. Nội dung kiểm tra phương tiện** | Bổ sung **Phụ lục 1. Nội dung kiểm tra phương tiện đường sắt đô thị** | Bỏ Nội dung về kiểm tra phương tiện vì đã có trong các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 15 :2011/BGTVT, QCVN 16 : 2011/BGTVT, QCVN 18 :2011/BGTVT  Bổ sung quy định mới về nội dung kiểm tra cần thiết của phương tiện đường sắt đô thị do chưa có QCVN về loại phương tiện này |
| 20 | **Phụ lục 2. Mẫu giấy chứng nhận**  **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **7. Sửa đổi mục 2.1 Phụ lục 2 và bổ sung Phụ lục 3 như sau:**  a) Phụ lục 2: 2.1. Mẫu Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. | ***Phụ lục 2. Nội dung kiểm tra đầu máy hơi nước*** | Chuyển Phụ lục 2 xuống thành Phụ lục 3.  Bổ sung quy định về nội dung kiểm tra đầu máy hơi nước, do trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan chưa có nội dung kiểm tra đối với loại phương tiện này |
| 21 | **Thông tư 36/2011/TT-BGTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**  **Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 02/2009/TT – BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**  **7. Sửa đổi mục 2.1 Phụ lục 2 và bổ sung Phụ lục 3 như sau:**  b) Phụ lục 3: Mẫu Giấy đề nghị thẩm định thiết kế. | ***Phụ lục 3. Mẫu giấy chứng nhận*** | Chuyển Phụ lục 2 thành Phụ lục 3, giảm số lượng mẫu giấy chứng nhận quy định trong Thông tư còn 7 mẫu Giấy chứng nhận |
| 22 |  | ***Phụ lục 4. Mẫu tem kiểm định và vị trí dán tem kiểm định*** | Bổ sung Phụ lục quy định về mẫu, hình thức tem kiểm định và vị trí dán tem kiểm định trên phương tiện |
| 23 |  | ***Phụ lục 5. Chu kỳ kiểm định*** | Bổ sung Phụ lục quy định về thời hạn và chu kỳ kiểm định cho các loại phương tiện theo Thông tư 36/2011/TT-BGTVT ngày 6 tháng 5 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2009/TT-BGTVT Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt; và sửa đổi thời hạn chu kỳ kiểm định định kỳ đối với các loại phương tiện có thời gian sử dụng từ 15 năm đến 30 năm và phương tiện có thời gian sử dụng trên 30 năm và phương tiện ít sử dụng đối với tất cả các loại phương tiện giao thông đường sắt. |